

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/HS-PT

Ngày: 12-01-2021

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bình.

Các Thẩm phán:

+ Bà Phạm Thị Hồng Vân;

+ Ông Phạm Văn Diệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Hồng Thảo Nguyên, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Việt, Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 và ngày 12 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 162/2021/TLPT-HS ngày 11 tháng 11 năm 2021 đối với bị cáo Trần Thị L; Do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 118/2020/HS-ST ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

Bị cáo kháng cáo: Trần Thị L, sinh ngày: 22-5-1964, tại tỉnh H; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Số A, hẻm B, đường C, khu phố E, Phường A, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: Không có; Trình độ học vấn: 12/12; con ông T, sinh năm 1924 (đã chết) và bà L, sinh năm 1922 (đã chết); chồng là **Đỗ Xuân O**, sinh năm 1961 (Đã ly hôn); con có 01 người; tiền án, tiền sự: Không có. Bị cáo **Trần Thị L** bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và giao cho chính quyền Phường A, thành phố T, tỉnh Tây Ninh quản lý, theo dõi. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Thị L: Ông Phạm Tuấn A là luật sư– Công ty Luật A - Đoàn Luật sư Thành Phố Hồ Chí Minh, có mặt.

Bị hại: Bà H, sinh năm 1976; địa chỉ: khu phố G, phường G, thành phố T, tỉnh Tây Ninh. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 11 giờ 00 phút ngày 30-4-2020, ông H, sinh năm 1980, ngụ: ấp Kinh Tế, xã Bình Minh, thành phố T, tỉnh Tây Ninh là Bưu tá thuộc Trung tâm khai thác vận chuyển- Bưu điện tỉnh Tây Ninh đến nhà số A, hẻm B, đường C thuộc khu phố E, Phường A, thành phố T, tỉnh Tây Ninh để giao phát bưu gửi EMS, số hiệu: EE142667243VN, ngày nhận gửi 28-4-2020 của Thanh tra Chính phủ- Ban tiếp Công dân Trung ương gửi cho bị cáo Trần Thị L. Khi gặp ông H đứng trước cổng nhà để giao bưu gửi thì bị cáo lấy bưu gửi đi vào trong nhà mà không ký nhận vào chứng từ đã nhận. Do cổng rào khóa nên ông H đứng bên ngoài yêu cầu bị cáo ký xác nhận bưu gửi, nếu không nhận thì trả bưu gửi để ông H chuyển hoàn. Bị cáo không đồng ý và điện thoại cho ông Trần Ngọc L- Giám đốc Bưu điện tỉnh Tây Ninh cho rằng bưu gửi bị bong tróc, có dấu hiệu bị mở và yêu cầu ông L đến nhà để giải quyết vì sự việc xảy ra nhiều lần (trước đây Bưu điện tỉnh Tây Ninh đã bồi thường hai lần với tổng tiền 10.000.000 đồng). Đến khoảng 13 giờ 45 phút cùng ngày, Bà H là Phó trưởng Phòng Kỹ thuật nghiệp vụ của Bưu điện tỉnh Tây Ninh được ông L phân công đến nhà của bị cáo để giải quyết sự việc trên. Khi đến nhà, bà L1 đi cùng ông H và được Trần Thị L mở cổng rào cho bà L1 vào bên trong khuôn viên nhà, còn ông H đứng đợi bên ngoài.

Quá trình làm việc, giữa hai bên xác định tình trạng bưu gửi bị bong tróc mặt sau, hở mép hai bên 02 cm. Bà L1 giải thích do quá trình vận chuyển nên bị bong tróc nhưng bị cáo không đồng ý, yêu cầu lập biên bản ghi nhận lại hiện trạng của bưu gửi để tiếp tục làm việc với cơ quan chức năng sau này. Sau đó cả hai thống nhất lập biên bản tay về hiện trạng bưu gửi rồi bà L1 được bị cáo mở cổng rào để về cơ quan đánh máy, in biên bản. Đến 16 giờ 15 phút cùng ngày, bị cáo điện thoại cho ông Bùi Thái H- Trưởng Công an Phường A, thành phố T báo tin nhà có sự việc vi phạm pháp luật (nhà bị cướp) để đề nghị Công an đến giải quyết. Ông Hiền phân công ông Nguyễn Văn An- Cán bộ Công an và ông Trần Văn Thông- Bảo vệ

dân phố Phường A đến nhà bị cáo để xác minh, giải quyết. Khi đến nơi, bị cáo mở cổng rào cho hai người vào trong nhà và nói bị Bưu điện tỉnh cướp tài liệu. Đến 17 giờ 45 phút, bà L1 đem biên bản đánh máy đến nhưng bị cáo không đồng ý ký tên vào biên bản này mà yêu cầu bà L1 tiếp tục lập biên bản khác, đồng thời yêu cầu ông Nguyễn Văn An- cán bộ Công an Phường A phải lập biên bản nhưng ông An không đồng ý. Sau đó ông An, ông Thông viện có xin ra ngoài lấy hồ sơ để báo cáo sự việc về Lãnh đạo Công an Phường A, thành phố T.

Đến khoảng 20 giờ 00 cùng ngày, bà L1 thấy trời đã tối nhưng bị cáo không ký tên vào biên bản nên bà L1 xin về nhà và đề nghị để lại bưu gửi, biên bản, hẹn sáng hôm sau đến giải quyết tiếp tục nhưng bị cáo không đồng ý, tiếp tục khóa cửa và không chế yêu cầu bà L1 ở lại chờ Công an Phường A đến lập biên bản, giải quyết xong mới được về. Lúc này bà L1 gọi điện thoại báo Lãnh đạo Bưu điện tỉnh về nội dung sự việc và được Lãnh đạo yêu cầu lực lượng Cảnh sát 113 đến giải quyết. Sau đó ông Hiền- Trưởng Công an Phường A yêu cầu bà Lê Thị Hồng Thủy- Chủ tịch Hội phụ nữ Phường A đến nhà bị cáo để vận động mở cửa cho bà L1 về nhà. Khi bà Thủy đến nơi được bị cáo mở cổng rào cho vô nhà rồi khóa lại, lúc này bà Thủy vận động bị cáo Lý mở cửa cho bà L1 về do trời tối, ngày mai sẽ tiếp tục giải quyết nhưng bị cáo không đồng ý. Trong thời gian này, bà L1 đi ra phía vườn cây nói chuyện điện thoại với Lãnh đạo thì bị cáo trên tay có cầm một cây kéo nói với bà L1 “Ở đâu thì ngồi yên chỗ đó, đi lại lung tung sẽ bị chó cắn” làm cho bà L1 hoảng sợ. Khi tổ Cảnh sát 113 Công an tỉnh Tây Ninh đến trước cổng rào yêu cầu bị cáo mở cổng rào để làm việc và cho bà L1 về nhưng bị cáo không đồng ý và yêu cầu chờ Công an Phường A đến lập biên bản, do có vụ việc khác phải giải quyết nên tổ Cảnh sát 113 chuyển đi nơi khác.

Sự việc kéo dài đến 00 giờ 15 phút ngày 01-5-2020, lực lượng Công an thành phố T cùng ông Bùi Thái H- Trưởng Công an Phường A nhiều lần yêu cầu bị cáo mở cổng rào để lực lượng chức năng vào làm việc cho bà L1 về nhà nhưng bị cáo không hợp tác và dùng lời lẽ thô tục, đồng thời ném một cục xi măng trúng vào lực lượng Công an đứng bên ngoài nhưng không gây thương tích. Đến 00 giờ 30 phút cùng ngày, khi ông Bùi Thái H yêu cầu mở cổng rào lần cuối cùng nếu không sẽ phá cổng vào để đưa bà L1 ra ngoài, lúc này bị cáo mới đưa chìa khóa cho bà Thủy mở cổng rào cho bà L1 ra về. Sự việc được Công an Phường A, thành phố T lập Biên bản vụ việc, đến ngày 01-5-2020 bà L1 làm đơn tố cáo bị cáo giữ người trái pháp luật đến Công an thành phố T giải quyết.

* Kết quả thu giữ và xử lý vật chứng: Không có.

Bản án Hình sự sơ thẩm số: 118/2020/HS-ST ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tây Ninh, Quyết định:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Thị L phạm tội “Giữ người trái pháp luật”

Áp dụng Điểm c Khoản 2 Điều 157; Điểm h, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Trần Thị L 02 (hai) năm tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trần Thị L về cho Ủy ban nhân dân Phường A, thành phố T, tỉnh Tây Ninh giám sát, giáo dục, trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về biện pháp tư pháp, án phí; quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 15 tháng 10 năm 2020, bị cáo có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm tuyên bố bị cáo không phạm tội “Giữ người trái pháp luật”.

Tại phiên tòa, bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội “Giữ người trái pháp luật”.

Tại phiên tòa luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày: Không đủ cơ sở kết tội Trần Thị L phạm tội “Giữ người trái pháp luật”. Hồ sơ thể hiện trước khi xảy ra vụ án bà L đã khiếu nại nhiều lần về thư tín bị xâm phạm. Trong vụ việc ngày 30-4-2020, bà L phát hiện thư tín có dấu hiệu bị bóc mở nên đã trình báo với Công an. Công an đã đến nhà bà L trước khi Bà H đến. Theo quy định của pháp luật, hành vi xâm phạm thư tín là hành vi vi phạm pháp luật theo Điều 159 của Bộ luật hình sự. Việc bà L trình báo Công an đến để giải quyết được coi là thông tin tố giác tội phạm theo Điều 146 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mọi quan hệ trong vụ án này phải được xác định là mối quan hệ giữa Cơ quan công an với bà L và Bà H trong việc tiếp nhận giải quyết tin báo tội phạm. Đề vụ việc kéo dài từ khoảng 17 giờ 45

phút đến 00 giờ 30 phút mới lập xong biên bản là trách nhiệm của Cơ quan công an. Cáo trạng kết luận bà L giữ người vì mục đích cá nhân là không có căn cứ.

Cáo trạng xác định bà L khóa cổng và khống chế yêu cầu bà L1 ở lại chờ Công an Phường A đến lập biên bản, giải quyết xong mới được về là không đủ cơ sở kết tội.

Kết luận điều tra và cáo trạng không chứng minh được bà L đã khống chế bà L1 như thế nào. Thực tế bà L là người cao tuổi, sức khỏe yếu không thể khống chế bà L1 trong khi đó còn có cả lực lượng công an, dân phòng, hội phụ nữ, việc bà L yêu cầu bà L1 ở lại chờ công an phường đến lập biên bản là một yêu cầu chính đáng, hợp pháp. Việc chậm trễ là lỗi của lực lượng công an. Việc bà L khóa cổng, cổng nhà bà L không có then cài để đóng cổng buộc phải cài khóa dây theo trình bày của bà L cổng nhà bà luôn trong trạng thái khóa để đề phòng chó chạy ra ngoài, chỉ mở cổng khi có người ra vào. Cơ quan điều tra chưa chứng minh được việc khóa cổng là để giữ người. Việc bà L yêu cầu bà L1 ở lại chờ công an phường đến lập biên bản giải quyết xong mới được về không có mục đích cá nhân nào khác. Cảnh sát 113 đến trước cổng yêu cầu bà L mở cổng để làm việc với bà L1 đây là công việc của công an phường.

Cáo trạng xác định bà L1 là người thi hành công vụ nên truy tố bà L theo điểm c khoản 2 Điều 157 Bộ luật Hình sự là không có căn cứ, đối chiếu với các quy định của pháp luật thì bà L1 không phải là người thi hành công vụ, công ty Bưu Chính Việt Nam cũng chỉ là một doanh nghiệp Nhà nước như mọi doanh nghiệp khác, không phải là một cơ quan tổ chức thuộc hệ thống bộ máy Nhà nước, bà L1 không phải là cán bộ theo quy định của luật Cán bộ Công chức, như vậy cáo trạng xác định bà L1 là người thi hành công vụ để truy tố bà L theo điểm c khoản 2 Điều 157 Bộ luật Hình sự là không có căn cứ pháp luật. Vì các lẽ trên đề nghị Hội đồng xét xử, hủy bản án sơ thẩm, tuyên bố bà Trần Thị L không phạm tội: “Giữ người trái pháp luật”.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo không phạm tội giữ người trái pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được

tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Xét các hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm đều hợp pháp. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Thị L xác định trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử vụ án tại cấp sơ thẩm không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội của mình, bị cáo cho rằng: Lý do khóa cửa không cho bà L1 ra ngoài là để chờ Công an phường đến lập biên bản; bị cáo không cầm kéo hay xua chó đe dọa bà L1. Tuy nhiên, căn cứ vào lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, lời khai của bị hại, người làm chứng; cũng như các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ khoảng 20 giờ, ngày 30-4-2020 đến 00 giờ 30 phút ngày 01-5-2020, tại nhà số 10, hẻm 35, đường C thuộc khu phố E, Phường A, thành phố T, tỉnh Tây Ninh. Bị cáo Trần Thị L có hành vi khống chế, giữ Bà H- Phó Trưởng phòng Kỹ thuật nghiệp vụ Bưu điện tỉnh Tây Ninh không có căn cứ pháp luật. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội: “Giữ người trái pháp luật” theo quy định tại Điều 157 Bộ luật Hình sự. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ bà L1 là người được Bưu điện tỉnh Tây Ninh phân công đến nhà của bị cáo để giải quyết việc bị cáo nhận bưu phẩm của Bưu điện nhưng chưa ký nhận, nhưng trong quá trình giải quyết, bị cáo không hợp tác, cố tình giữ bà L1 trong nhà bị cáo trong một khoản thời gian dài. Do đó, hành vi của bị cáo bị cấp sơ thẩm xét xử về tội: “Giữ người trái pháp luật” với tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự là: “Đối với người đang thi hành công vụ” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 157 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Vụ án có tính chất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội; xâm phạm đến quyền tự do thân thể của người khác, gây mất trật tự trị an chung tại địa phương. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h, x khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo hưởng án treo là có căn cứ.

[4] Do đó, lời trình bày của người bào chữa cho bị cáo và của bị cáo cho rằng bị cáo không phạm tội là không có căn cứ chấp nhận. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Theo khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016; bị cáo kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự.
2. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Trần Thị L.
3. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 118/2020/HS-ST ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 157; điểm h, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Thị L 02 (hai) năm tù cho hưởng án treo về tội: “Giữ người trái pháp luật”. Thời gian thử thách là 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trần Thị L về cho Ủy ban nhân dân Phường A, thành phố T, tỉnh Tây Ninh giám sát, giáo dục, trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án Hình sự năm 2019.

4. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận chị Hà Thị Mỹ Linh không yêu cầu bồi thường thiệt hại.

5. Về án phí: Bị cáo Trần Thị L phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1 (TANDTC);
- VKSND. TTN;
- TAND. TP. Tây Ninh;
- Công an TP. Tây Ninh ;
- Chi cục THADSH. TP. Tây Ninh ;
- Phòng lý lịch STP. TTN;
- Phòng KTNV. TATTN;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án HSPT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Bình